TOÀ ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN ĐỨC HUỆ** **TỈNH LONG AN**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 21/2019/HS-ST
Ngày: 21-5-2019

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN ĐỨC HUỆ TỈNH LONG AN

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm:

- *Thẩm phán - Chủ toạ phiên tòa:* Ông Nguyễn Văn Triển.

- *Các Hội thẩm nhân dân:*

1. Ông Nguyễn Sơn Trường.

2. Bà Phạm Thị Châu Hoàng.

- Thư ký phiên tòa: Ông Lữ Minh Vũ - Cán bộ Tòa án nhân dân huyện Đức Huệ.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện Đức Huệ tỉnh Long An tham gia phiên tòa: Ông Lý Văn Quyền - Kiểm sát viên.

Ngày 21 tháng 5 năm 2019, tại trụ sở, Toà án nhân dân huyện Đức Huệ xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 19/2019/TLST-HS ngày 04 tháng 4 năm 2019 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 23/2019/QĐXXST-HS ngày 08 tháng 5 năm 2019 đối với bị cáo:

Lê Thành T (Út C) - Sinh năm: 1982, tại: Tiền Giang; hộ khẩu thường trú: Ấp B, xã T, huyện L, tỉnh Tiền Giang; chỗ ở: không ổn định; nghề nghiệp: Không; trình độ học vấn: 6/12; giới tính: Nam; dân tộc: Kinh; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Lê Thành T1, sinh năm: 1946 và bà Nguyễn Thị Đ, sinh năm: 1945; bị cáo chưa có vợ và con; tiền sự: Không, tiền án: Ngày 06/09/2005, bị Tòa án nhân dân huyện Đức Huệ xử phạt 09 tháng tù về tội "Trộm cắp tài sản", chấp hành hình phạt tù xong ngày 04/01/2006; bị bắt tạm giam từ ngày 12/01/2019 cho đến nay. (Có mặt)

- *Người bị hại:* Bà Trần Kim Y - Sinh năm 1981 - Địa chỉ: Ấp 5, xã M, huyện Đ, tỉnh Long An. (Có mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Năm 2005, trong khi thi hành án tại Trại tam giam Công an tỉnh Long An về tội "Trộm cắp tài sản" Lê Thành T có quen biết với một phạm nhân tên Trần Đức Thắng, sinh năm 1983, địa chỉ: ấp 5, xã M, huyện Đ, tỉnh Long An. Ngày 04/01/2006, T chấp hành xong án phạt tù, do không có việc làm, T nảy sinh ý định tìm đến nhà và gặp người thân của T3, nói dối là có người quen làm lớn có thể lo cho T3 thi hành án nơi sung sướng và có thể ra tù trước thời hạn, để người nhà của T3 đưa tiền cho T, nên ngày 06/02/2006 T đi xe ôm tìm đến nhà của T3, tại đây T gặp bà Trần Kim Y là chị ruột của T3, T nói mình là bạn tù với T3, T nói có một người chú làm lớn, mới học ở Hà Nội về công tác tại tỉnh Long An, người chú này có thể giúp đỡ cho T3 ở trong tù được sung sướng và có thể giúp T3 được mãn án trước thời hạn, nhưng chị Y không tin nên không cho tiền T, mà yêu cầu T chở chị Y đến gặp người chú của T. Bà Y dẫn xe nhãn hiệu WELL, biển số: 62H8-9040, yêu cầu T điều khiển xe chở Y đi, sợ bị bại lộ, T chấp nhận chở Y đi nhưng không biết chở đi đâu, T điều khiển xe chở Y đến khu vực ấp 2, xã B, huyện Đ, lúc này T nảy sinh ý định lấy chiếc xe của Y để bán lấy tiền tiêu xài. T phát hiện có một cái nón bảo hiểm nằm ở ba ga giữa của xe, T dùng tay trái đẩy nón bảo hiểm, làm nón bảo hiểm rơi xuống đường phía bên phải, T tiếp tục điều khiển xe chạy về phía trước một đoạn khoảng 08-09m rồi dừng xe lại và yêu cầu chị Y xuống xe nhặt nón bảo hiểm, bà Y xuống xe, đi về phía nón bảo hiểm bị rơi, khi bà Y đi gần đến nơi thì T điều khiển xe bỏ chạy về hướng thị trấn Đ, rồi sang Củ C, thành phố Hồ Chí Minh, T dừng xe tại một quán nước ven đường rồi mở cốp xe kiểm tra, T phát hiện bên trong cốp xe có một cái bóp nữ, lục soát bên trong bóp, T phát hiện có hơn 1.000.000 đồng (không nhớ chính xác là bao nhiêu) nhưng bà Y trình bày trong bóp có 1.600.000 đồng (Một triệu sáu trăm ngàn đồng), 01 giấy chứng minh nhân dân, 01 giấy đăng ký xe. T lấy tiền tiêu xài còn tất cả giấy tờ T bỏ vào bóp và để trở lại cốp xe. Sau đó T bán chiếc xe nói trên cho một người thợ hồ không biết tên, tuổi, địa chỉ ở đâu với giá 2.000.000 đồng (Hai triệu đồng). Số tiền T lấy được trong bóp và tiền bán chiếc xe, T tiêu xài cá nhân hết và từ đó đến nay T sống lang thang khắp nơi, không về địa phương, cho đến ngày 12/01/2019 thì bị bắt giữ.

Tang vật vụ án:

- 01 xe mô tô nhãn hiệu: WELL, số loại 110, màu sơn: Xanh, biển số: 62H8-9040, số khung VVTBCH013VT-012135, số máy: VBS152FMH-00012135.

Qua xác minh được biết, người đứng tên trong giấy tờ xe là bà Trần Kim Y. Xe này bà Y mua vào năm 2004, mua vơi giá 7.800.000 đồng (Bảy triệu tám trăm ngàn đồng), mua đã lâu nên không nhớ mua ở đâu. Sau khi mua xe bà Y sử dụng đến ngày 06/02/2006 thì bị T chiếm đoạt.

Tại bản kết luận định giá tài sản số 03/KL-TCKH, ngày 14 tháng 01 năm 2019 của Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự xác định chiếc xe nhãn hiệu: WELL, số loại 110, màu sơn: Xanh, biển số: 62H8-9040, số khung VVTBCH013VT-012135, số máy: VBS152FMH-00012135 có giá là 5.460.000 đồng. (Năm triệu bốn trăm sáu mươi nghìn).

Ngoài ra, khi bắt T, còn tạm giữ:

- 01 một chiếc xe mô tô, hiệu YAMAHA, loại Exciter, biển số: 63B1-364.34, số máy: 55P1-444650, số khung: RLCE55P1OEY444633.

T khai: Năm 2015, khi T bán vé số kiếm sống ở thành phố Hồ Chí Minh, T có quen với một người đàn ông tên Quốc, không biết họ tên thật là gì, địa chỉ ở đâu. Quốc mượn T số tiền 10.000.000 đồng (Mười triệu đồng) và đưa cho T 01 chiếc xe mô tô, hiệu YAMAHA, loại Exciter, biển số: 63B1-364.34 làm tin. Quốc hẹn T khoảng 02-03 ngày sau liên lạc với T trả tiền, nhận lại xe, nhưng đến nay T không thấy Quốc liên lạc, T nhiều lần gọi điện thoại cho Quốc nhưng điện thoại không liên lạc được.

Qua xác minh được biết, người đứng tên trong giấy tờ xe là ông Nguyễn Văn Mười H, sinh năm: 1973, địa chỉ: xã A, huyện C, tỉnh Tiền Giang. Xe này do ông Mười H mua vào năm 2014, mua với giá 42.000.000 đồng (Bốn mươi hai triệu), mua đã lâu nên không nhớ mua ở đâu. Ông Mười H sử dụng đến ngày 22 tháng 7 năm 2015 thì bị mất trộm tại nhà. Xét thấy vụ việc mất trộm xe xảy ra trên địa bàn huyện C, tỉnh Tiền Giang. Ngày 01 tháng 03 năm 2019, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Đức Huệ có gửi Công văn đến Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện C, tỉnh Tiền Giang để phối hợp điều tra, giải quyết nên không đề cập đến.

- 01 điện thoại di động hiệu OPPO, màu: Đen-Xám. Điện thoại này thuộc sở hữu của Lê Thành T, T mua điện thoại này vào năm 2018, mua tại một cửa hàng điện thoại hiệu Phát Tài nằm trên Quốc Lộ 50, huyện B, thành phố Hồ Chí Minh, với giá 4.000.000 đồng (Bốn triệu đồng), mua bán qua tay, không có hóa đơn chứng từ. Không liên quan đến vụ án, đề nghị tiếp tạm giữ để bảo đảm thi hành án.

- 01 giấy chứng minh nhân dân, 01 giấy phép lái xe tên Lê Thành T, sinh năm: 1982, hộ khẩu thường trú: ấp B, xã T, huyện L, tỉnh Tiền Giang. Là giấy tờ cá nhân của T, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Đức Huệ đã trả lại cho T nên không đề cập.

Đối với người đàn ông chạy xe ôm, người mua xe của T và người đàn ông tên Quốc không xác định được nhân thân lai lịch nên không làm việc được.

Cáo trạng số: 22/CT-VKS-ĐH ngày 01 tháng 4 năm 2019 của Viện Kiểm sát nhân dân huyện Đức Huệ đã truy tố bị cáo Lê Thành T về tội "Lừa đảo chiếm đoạt tài sản" theo khoản 1 Điều 174 Bộ luật Hình sự năm 2015.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đức Huệ sau khi phân tích tính chất của hành vi và hậu quả xảy ra, đề nghị Hội đồng xét xử:

Tuyên bố bị cáo Lê Thành T phạm tội "Lừa đảo chiếm đoạt tài sản".

Căn cứ: khoản 1 Điều 174, điểm s khoản 1 Điều 51; điểm h khoản 1 Điều 52 Điều 32; Điều 38 của Bộ luật hình sự, Xử phạt bị cáo Lê Thành T từ 15 đến 18 tháng tù.

Về các biện pháp tư pháp: Căn cứ khoản 2 Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự.

Phần cơ quan điều tra đã xử lý xong không có yêu cầu nên không xem xét

- 01 điện thoại di động hiệu OPPO, màu: Đen-Xám. Điện thoại này thuộc sở hữu của Lê Thành T, T mua điện thoại này vào năm 2018, mua tại một cửa hàng điện thoại hiệu Phát Tài nằm trên Quốc Lộ 50, huyện B, thành phố Hồ Chí Minh, với giá 4.000.000đ (Bốn triệu đồng), mua bán qua tay, không có hóa đơn chứng từ. Xét thấy không liên quan đến vụ án, đề nghị tiếp tạm giữ để bảo đảm thi hành án.

Về trách nhiệm dân sự: Người bị hại bà Trần Kim Y tại phiên tòa, yêu cầu bị cáo bồi thường lại giá trị xe đã mất 7.800.000 đồng và 1.600.000 đồng bị cáo chiếm đoạt trong bốp của người bị hại. Về trách nhiệm hình sự, bà Y yêu cầu xử lý theo quy định pháp luật.

Bị cáo Lê Thành T đồng ý bồi thường theo yêu cầu của bị hại.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Vào ngày 06/02/2006 (khoảng 16 giờ 00 phút), Lê Thành T đã lợi dụng sự nhẹ dạ cả tin của bà Trần Kim Y nên tạo ra một sự việc không có thật, tạo lòng tin đối với bà Y mà từ đó chiếm đoạt của bà Y một xe mô tô hiệu WELL, số loại 110, màu sơn: Xanh, biển số: 62H8-9040, số khung VVTBCH013VT-012135, số máy: VBS152FMH-00012135 và số tiền 1.600.000 đồng bỏ trong cốp xe tại ấp 2, xã Bình Thành, huyện Đức Huệ. Sau khi chiếm đoạt được xe, bị cáo mang đi bán được 2.000.000 đồng, bị cáo bỏ trốn khỏi địa phương cho đến ngày 12/01/2019 bị cáo bị bắt theo lệnh truy nã. Qua định giá tài sản xe mô tô nói trên có giá trị 5.460.000 đồng. (Năm triệu bốn trăm sáu mươi nghìn).

[2] Các quyết định khởi tố vụ án, khởi tố bị can của cơ quan cảnh sát điều tra, quyết định phê chuẩn quyết định khởi tố bị can và cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân huyện Đức Huệ truy tố bị cáo điều thực hiện đúng theo quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Hành vi tố tụng của Điều tra viên, kiểm sát viên điều thực hiện đúng và hợp pháp.

[3] Tại phiên toà, bị cáo Lê Thành T đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội. Lời khai nhận của bị cáo phù hợp với các lời khai của người bị hại, biên bản khám nghiệm hiện trường và sơ đồ hiện trường do Công an huyện Đức Huệ lập lúc 08 giờ 30 phút ngày 07/02/2002, biên bản bắt người đang bị truy nã lúc 14 giờ 00 phút, ngày 12/01/2019 của Công an xã P, huyện B, thành phố Hồ Chí Minh, kết luận định giá tài sản số 03/KL-TCKH, ngày 14/01/2019 của Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự huyện Đức Huệ và các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa. Trên cơ sở đó đã có đủ bằng chứng để kết luận rằng bị cáo Lê Thành T phạm vào tội "Lừa đảo chiếm đoạt tài sản" tội phạm và hình phạt được quy định tại khoản 1 Điều 174 Bộ luật hình sự năm 2015. Như vậy, cáo trạng 22/CT-VKS-ĐH ngày 01 tháng 4 năm 2019 của Viện Kiểm sát nhân dân huyện Đức Huệ đã truy tố bị cáo Lê Thành T với tội danh và điều luật nêu trên là có cơ sở đúng theo quy định của pháp luật.

[4] Hành vi của các bị cáo Lê Thành T là nguy hiểm cho xã hội, bị cáo là một công dân có đầy đủ lý trí để nhận thức được rằng tài sản hợp pháp của mọi tổ chức và cá nhân được pháp luật bảo vệ nếu người nào cố tình chiếm đoạt sẽ bị pháp luật xử lý nhưng bị cáo vẫn thực hiện với lỗi cố ý, mục đích của bị cáo là chiếm đoạt tài sản của bị hại để bán kiếm tiền tiêu xài cho cá nhân. Hành vi này của bị cáo phải được xử lý nghiêm. Bản thân bị cáo có 01 tiền án về tội "Trộm cắp tài sản" chấp hành hình phạt tù ra trại ngày 04/01/2006 đến ngày 06/02/2006 phạm tội mới là tái phạm là tình tiết tăng năng trách nhiệm hình sự theo điểm h khoản 1 Điều 52 Bộ luật hình sự 2015 (tương ứng điểm g khoản 1 Điều 48 Bộ luật hình sự 1999). Xét thấy cần phải cách ly bị cáo ra khỏi xã hội một thời gian mới có đủ tác dụng giáo dục và phòng ngừa chung.

[5] Xét thấy bị cáo Lê Thành T thật thà khai báo, không có nghề nghiệp là tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự theo quy định tại điểm s khoản 1 và khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự, do đó khi lượng hình cũng cần xem xét giảm nhẹ một phần hình phạt cho bị cáo.

[6] Xét đề nghị của đại diện Viện kiểm sát về mức hình phạt đối với bị cáo Lê Thành T là có cơ sở theo quy định pháp luật.

[7] Về trách nhiệm dân sự:

- Người bị hại: Bà Trần Kim Y tại phiên tòa yêu cầu bị cáo bồi thường xe 7.800.000 đồng, tiền bị cáo chiếm đoạt 1.600.000 đồng. Tổng công 9.400.000 đồng, bị cáo đồng ý theo yêu cầu bị hại, đây là sự tự nguyện thỏa thuận giữa bị cáo và bị hại phù hợp pháp luật nên ghi nhận để buộc bị cáo bồi thường.

[8] Về các biện pháp tư pháp: Phần Cơ quan điều tra đã xử lý xong không có yêu cầu xem xét lại nên đề cập xem xét.

01 điện thoại di động hiệu OPPO, màu: đen-xám. Điện thoại này thuộc sở hữu của bị cáo Lê Thành T tiếp tục tạm giữ để bảo đảm thi hành án.

[9] Bị cáo Lê Thành T phải chịu án phí hình sự và án phí dân sự sơ thẩm theo quy định pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Căn cứ: khoản 1 Điều 174, điểm s khoản 1 và khoản 2 Điều 51; điểm h khoản 1 Điều 52; Điều 32; Điều 38 Bộ luật hình sự 2015 (khoản 1 Điều 139; điểm p khoản 1 và khoản 2 Điều 46; điểm g khoản 1 Điều 48 Bộ luật hình sự 1999); Điều 357, Điều 584, Điều 589; Các Điều 106, 135, Điều 136, Điều 299, Điều 326, Điều 329 Bộ luật Tố tụng Hình sự; và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí lệ phí Tòa án.

2. Tuyên bố bị cáo Lê Thành T phạm tội "Lừa đảo chiếm đoạt tài sản".

3. Xử phạt bị cáo Lê Thành T 01 (một) năm 06 (sáu) tháng tù . Thời hạn tù tính từ ngày bắt tạm giữ tạm giam (ngày 12/01/2019).

4. Về trách nhiệm dân sự: Buộc các bị cáo Lê Thành T phải bồi thường cho bà Trần Kim Y số tiền 9.400.000 đồng.

Kể từ khi có đơn yêu cầu thi hành án cho đến khi thi hành xong số tiền bồi thường, bị cáo còn phải chịu lãi suất của số tiền chậm thi hành theo Điều 468 Bộ luật dân sự

5. Về các biện pháp tư pháp:

- Về tang vật: Tiến tục quản lý 01 điện thoại di động hiệu Oppo, màu: đen-xám. Điện thoại này thuộc sở hữu của Lê Thành T để bảo đảm thi hành án.

Tang vật hiện do chi cục Thi hành án dân sự huyện Đức Huệ đang quản lý.

6. Về án phí: Buộc bị cáo Lê Thành T phải chịu 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm và 470.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm sung vào công quỹ Nhà nước.

7. Bị cáo, người bị hại có quyền kháng cáo bản án theo thủ tục phúc thẩm trong thời hạn 15 ngày tính từ ngày tuyên án (ngày 21/5/2019).

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Long An;
- VKSND tỉnh Long An;
- VKSND huyện Đức Huệ;
- Công an huyện Đức Huệ;
- CC.THADS huyện Đức Huệ;
- Bị cáo; người bị hại;
- Hồ sơ THAHS;
- Lưu hồ sơ, án văn;

Nguyễn Văn Triến